

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng: 04 (Đợt 1)

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 07 – 08/04/2021

Ngày cung cấp TT: 08/04/2021

3. Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	1	Công Như Trác	Công mở.
2	2	Công Hữu Bị	Công mở.
3	3	Công Cốc Thành	Công mở.
4	4	Công sông Chanh	Công đóng.
5	5	Công Nhâm Tràng	Công đóng.
6	6	Công Kinh Thanh	Công đóng.
7	7	Công Cỏ Đam	Công đóng.
8	8	Công Vĩnh Trị	Công đóng.
9	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đập đóng.
10	13	TB Triệu Xá (sông Châu Giang)	Công mở.
11	14	Đập La Chợ	Đập mở.
12	15	Đập Biên Hòa	Đập đóng.
13	16	Đập Vùa (CG12)	Đập đóng.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 20 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Tổng cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2015 và kết quả đo đạc tại hiện trường, nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các mức như sau:

Các vị trí đạt giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh: **Cống Như Trác.**

Các vị trí đạt giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp: **Các vị trí đạt giới hạn trên,**

Các vị trí đạt giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự: **Các vị trí đạt giới hạn trên, Cổng Hữu Bị, Cổng Cốc Thành, Cổng Nhâm Tràng, Cổng Cổ Đam, Cổng Vĩnh Trị, Cầu đường 10 với sông Sắt, TB Triệu Xá (sông Châu Giang), Đập La Chợ, Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy), Đâu kênh T6,**

Các vị trí đạt giới hạn B2: Dùng cho giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp: **Các vị trí đạt các giới hạn trên.**

Các vị trí không đạt các giới hạn trên: Không dùng được cho các mục đích trên: **Cống Sông Chanh, Cổng Kinh Thanh, Đâu kênh T3, Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21), Đập An Bài (sông Châu Giang), Đập Biên Hòa, Đập Vùa (CG12), Cầu Chủ (sông Châu Giang), Đâu kênh C19,**

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường						Khuyến cáo sử dụng	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2015 A1		6 – 8.5		6		0.3		
		QCVN 08:2015 A2		6 – 8.5		5		0.3		
		QCVN 08:2015 B1		5.5 – 9		4		0.9		
		QCVN 08:2015 B2		5.5 – 9		2		0.9		
1	Cống Như Trác	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nắng nhẹ, t° = 28°C, độ ẩm 71%, gió Nam 16 km/h, mật độ mây 97%. Dòng chảy vừa, cống mở lấy nước vào nội đồng, trạm bơm đang bơm lấy nước tưới.	7.38	26.3	7.15	0.1	0.218	192	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường						Khuyến cáo sử dụng	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9		
			Nước màu vàng lục.							sinh.
2	Cống Hữu Bị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nắng nhẹ, t° = 28°C, độ ẩm 75%, gió Nam 14 km/h, mật độ mây 79%. Cống mở, cửa điều áp đóng, không có dòng chảy, trạm bơm đang hoạt động, mực nước trên kênh tưới cao. Nước màu vàng lục.	7.31	22.2	6.38	0.2	0.521	261	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
3	Cống Cốc Thành	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	Trời nắng nhẹ, t° = 25°C, độ ẩm 88%, gió ĐN 8 km/h, mật độ mây 95%. Dòng chảy vừa, cống mở, nước đang được lấy vào nội đồng, trạm bơm đang hoạt động. Hạ lưu cống có nhiều bèo trôi. Nước vàng lục.	7.65	19.7	6.89	0.1	0.319	203	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
4	Cống Sông Chanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	Trời nắng nhẹ, t° = 26°C, độ ẩm 84%, gió ĐN 10 km/h, mật độ mây 92%. Cống đóng, không có dòng chảy, trạm bơm không hoạt động. Hạ lưu cống có nhiều rác thải sinh hoạt. Nước	6.86	15.4	4.5	0.5	1.554	642	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường						Khuyến cáo sử dụng	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9		
			màu vàng lục.							sinh.
5	Cống Nhâm Trảng	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Trảng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.	Trời nắng, t° = 27°C, độ ẩm 72%, gió ĐB 13 km/h, mật độ mây 90%. Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm không hoạt động. Mục nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Hạ lưu cống dồn nhiều bèo. Nước màu vàng lục.	7.34	12.2	5.29	0.4	0.839	560	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
6	Cống Kinh Thanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm.	Trời nắng, t° = 27°C, độ ẩm 71%, gió ĐB 14.5 km/h, mật độ mây 90%. Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm không hoạt động. Mục nước nội đồng thấp hơn ngoài sông. Nước màu vàng lục, có hiện tượng phú dưỡng. Thượng lưu cống có nhiều bèo.	7.02	14.1	4.58	0.5	1.251	669	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
7	Cống Cổ Đam	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cổ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên.	Trời âm u, t° = 27°C, độ ẩm 72%, gió ĐB 16 km/h, mật độ mây 91%. Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm đang lấy nước tưới.	7.17	19.5	5.31	0.4	0.761	502	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường						Khuyến cáo sử dụng	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9		
			Nước màu vàng lục. Mực nước ngoài sông thấp hơn nội đồng.							tồn đọng, thực vật thủy sinh.
8	Cống Vĩnh Trị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	Trời nắng nhẹ, t° = 26°C, độ ẩm 82%, gió ĐN 11 km/h, mật độ mây 90%. Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm không hoạt động. Khu vực lấy mẫu đang làm lại cầu, cống. Nước màu vàng lục.	7.58	18.7	5.82	0.3	0.730	477	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn đọng, thực vật thủy sinh.
9	Đầu kênh T3	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định, đổ vào kênh lấy nước trạm bơm Cốc Thành.	Trời nắng nhẹ, t° = 25°C, độ ẩm 86%, gió ĐN 9 km/h, mật độ mây 95%. Nước đứng, không có dòng chảy. Nước màu vàng lục. Hai bên bờ kênh có bèo.	6.89	21.2	5.66	0.3	0.917	472	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn đọng, thực vật thủy sinh.
10	Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời nắng nhẹ, t° = 30°C, độ ẩm 64%, gió Nam 18 km/h, mật độ mây 94%. Dòng chảy chậm về hướng An Bài. Dưới chân cầu có rác thải sinh hoạt. Nước màu xanh vàng.	7.28	24.5	4.14	0.4	1.228	497	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn đọng, thực vật thủy sinh.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9		
										sinh.
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho phía Nam Huyện Ý Yên.	Trời nắng nhẹ, t° = 26°C, độ ẩm 82%, gió ĐN 11 km/h, mật độ mây 90%. Nước đứng, không có dòng chảy. Chân cầu có rác thải sinh hoạt. Nước màu vàng lục.	7.47	14.6	6.08	0.3	0.559	462	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời nắng nhẹ, t° = 30°C, độ ẩm 64%, gió Nam 18 km/h, mật độ mây 94%. Không có dòng chảy, đập đóng. Hạ lưu cống có nhiều bèo. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu xanh vàng.	7.49	23.7	4.17	0.3	1.282	458	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
13	TB Triệu Xá (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục và Huyện thanh Liêm.	Trời nắng nhẹ, t° = 30°C, độ ẩm 62%, gió Nam 19 km/h, mật độ mây 95%. Không có dòng chảy, cống mở, trạm bơm đang hoạt động lấy nước tưới. Nước màu xanh xám.	7.07	7.9	6.05	0.2	0.723	335	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
14	Đập La Chợ	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ	Trời nắng nhẹ, t° = 28°C, độ ẩm 75%, gió	6.74	35.1	5.47	0.2	0.552	333	

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường						Khuyến cáo sử dụng	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
			<i>QCVN 08:2015 A1</i>	6 – 8.5		6		0.3		
			<i>QCVN 08:2015 A2</i>	6 – 8.5		5		0.3		
			<i>QCVN 08:2015 B1</i>	5.5 – 9		4		0.9		
			<i>QCVN 08:2015 B2</i>	5.5 – 9		2		0.9		
		thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	Nam 14 km/h, mật độ mây 97%. Dòng chảy vừa. Mực nước cao. Nước từ trạm bơm Hữu Bị bơm về nội đồng. Chân đập có rác thải sinh hoạt. Nước màu vàng lục.							Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
15	Đập Biên Hòa	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Bình Lục.	Trời nắng nhẹ, t° = 30°C, độ ẩm 64%, gió Nam 18 km/h, mật độ mây 94%. Không có dòng chảy, đập đóng. Mực nước thượng lưu cao hơn mực nước hạ lưu. Nước màu xanh vàng.	7.32	26.8	4.62	0.4	0.932	437	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
16	Đập Vù (CG12)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.	Trời nắng nhẹ, t° = 28°C, độ ẩm 71%, gió Nam 16 km/h, mật độ mây 97%. Không có dòng chảy, đập đóng. Hạ lưu đập có nhiều bèo và rác thải. Nước màu nâu vàng.	6.92	15	4.27	0.4	1.057	534	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
17	Cầu Chủ (sông Châu	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân.	Trời nắng nhẹ, t° = 29°C, độ ẩm 66%, gió Nam 18 km/h, mật độ mây 95%.	7.54	21.6	3.86	0.3	1.702	422	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường						Khuyến cáo sử dụng	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9		
	Giang)		Dòng chảy chậm về hướng Hữu Bị. Khu vực lấy mẫu nhận nước thải chăn nuôi dọc sông. Nước màu vàng lục.							lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Trời âm u, t° = 28°C, độ ẩm 70%, gió ĐN 17 km/h, mật độ mây 93%. Dòng chảy chậm về hướng Cổ Đam, hai bên kênh có nhiều bèo. Nước màu xanh lục, có hiện tượng phú dưỡng.	7.2	24.2	4.16	0.4	0.824	599	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
19	Đầu kênh C19	Đánh giá nhanh chất lượng nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.	Trời nắng nhẹ, t° = 25°C, độ ẩm 84%, gió ĐN 10 km/h, mật độ mây 94%. Dòng chảy chậm hướng về sông Chanh. Khu vực lấy mẫu nhận nước thải của khu công nghiệp Bảo Minh. Nước màu vàng đục.	6.95	26.9	4.92	0.7	1.352	968	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
20	Đầu kênh T6	Nước thải TP. Nam Định nhưng vẫn được sử dụng tưới cho khu vực huyện Vụ Bản.	Trời nắng nhẹ, t° = 27°C, độ ẩm 77%, gió Nam 13 km/h, mật độ mây 95%. Không có dòng chảy, nước đứng. Khu vực	6.8	37.1	4.37	0.4	0.870	525	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường						Khuyến cáo sử dụng	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9		
			lấy mẫu nhận nước thải của hộ chăn nuôi ngay dưới chân cầu. Nước màu vàng lục.							Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2021

ĐƠN VỊ QUAN TRẮC